TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ - ST
Ngày 19-4-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lò Văn Ơn
2. Bà: Bạc Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

Ngày 19/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/TLST – HNGĐ ngày 24/01/2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Ch – SN: 1985

Bị đơn: Anh Vì Văn Ph – SN: 1979
Đều trú tại: Bản Na Sang 1, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

(Chị Ch có mặt, anh Ph vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/01/2019 và lời khai trong bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hoàng Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Ch và anh Vì Văn Ph lấy nhau ngày 14 tháng 02 năm 2001, hai bên chỉ cưới theo phong tục, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Ph nghiện ma túy. Chị Ch và anh Ph đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Chị Ch xin ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Chị Ch và anh Ph có 01 con chung là cháu Vì Thị Ph, sinh ngày 01/01/2002. Vợ chồng ly hôn chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Ch và anh Ph tự thỏa thuận không đề nghị tòa giải quyết.

Về tài sản: Tài sản chung, Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Ch khai nhận không có.

Tại bản tự khai ngày 11/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vì Văn Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vì Văn Ph công nhận anh và chị Ch lấy nhau năm 2001, hai bên chỉ cưới theo phong tục, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Ph cũng thừa nhận do anh nghiện ma túy nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Nay chị Ch xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh Ph thừa nhận vợ chồng có 01 con chung như ý kiến của chị Ch. Quan điểm của anh Ph đồng ý với ý kiến của chị Ch và việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh Ph nhất trí với ý kiến của chị Ch, tài sản chung, Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương không có.

Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, chị Ch và anh Ph thống nhất được với nhau về việc giải quyết nhưng do chị Ch và anh Ph lấy nhau không đăng ký kết hôn. Do vậy phải tiến hành xét xử để không công nhận quan hệ hôn nhân của chị Ch và anh Ph.

Ngày 03/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Ph có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228/BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph.

Tại phiên tòa chị Ch vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện, không có ý kiến bổ sung. Anh Ph có đơn xin giải quyết vắng mặt trong đơn anh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai và tại buổi hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Hoàng Thị Ch, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ch xin ly hôn với anh Ph, anh Ph có hộ khẩu thường trú tại xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Ch và anh Ph lấy nhau tháng 2 năm 2001 nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch và anh Ph lấy nhau năm 2001 chỉ cưới theo phong tục không đăng ký kết hôn. Chị Ch và anh Ph đều thừa nhận hai bên kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống do anh Ph nghiện ma túy, chị Ch đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Ph vẫn không bỏ được. Chị Ch và anh Ph đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Hiện tại chị Ch và anh Ph đã không còn tình cảm với nhau. Anh Ph cũng thừa nhận bản thân nghiện ma túy, không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha đối với vợ, con. Nay chị Ch xin ly hôn anh Ph đồng ý. Tuy nhiên do chị Ch và anh Ph lấy nhau không đăng ký kết hôn vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị Ch và anh Ph thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị Ch và anh Ph là vợ chồng.

[5]. Về con chung: Chị Ch và anh Ph có 01 con chung là cháu Vì Thị Ph, sinh ngày 01/01/2002. Vợ chồng ly hôn chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Ch và anh Ph tự thỏa thuận không đề nghị tòa giải quyết. Anh Ph cũng đồng ý với ý kiến của chị Ch. Tại bản tự khai ngày 25/3/2019 cháu Ph cũng có nguyện vọng xin ở với mẹ. vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Ph cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng là để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu và phù hợp với quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Ch và anh Ph tự thỏa thuận không đề nghị tòa giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về tài sản: Tài sản chung, Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương chị Ch và anh Ph đều công nhận không có do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS, chị Ch phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên chị Ch là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Minh được miễn án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 14, Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Điều 82 ; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận chị Hoàng Thị Ch và anh Vì Văn Ph là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Vì Thị Ph sinh ngày 01/01/2002 cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Ch và anh Ph tự thỏa thuận không đề nghị Tòa giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tài sản chung, Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có

4. Về án phí: Chị Ch được miễn áp phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ch được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/4/2019. Anh Ph được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đỗ Thu Hương